

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

**BIỂU THỨC MIÊU TẢ CHIẾU VẬT TRONG
TIỂU THUYẾT CỦA VŨ TRỌNG PHỤNG
(qua tiểu thuyết *Số đỏ* và *Giông tố*)****ĐẶNG NHẬT MINH***

TÓM TẮT: Chiếu vật là phương diện ngữ dụng đầu tiên của diễn ngôn. Đối với các tác phẩm văn học, chiếu vật thường đa dạng và mang hàm ngôn. Do vậy, tìm hiểu biểu thức miêu tả chiếu vật trong tác phẩm văn học cũng chính là tìm hiểu phương tiện ngôn ngữ, cách thức mà nhà văn phản ánh thế giới hiện thực khách quan. Tìm hiểu các biểu thức miêu tả trong các tác phẩm là cách để tìm hiểu về những đặc trưng trong nghệ thuật ngôn từ của tác giả. Chúng tôi quan tâm đến việc tìm hiểu các biểu thức ngôn ngữ miêu tả chiếu vật trong tác phẩm của nhà văn Vũ Trọng Phụng, từ đó khái quát nên phong cách của nhà văn.

TỪ KHÓA: quy chiếu; nghĩa chiếu vật; biểu thức chiếu vật; Vũ Trọng Phụng; ngữ dụng học.

NHẬN BÀI: 15/03/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 10/05/2024

1. Mở đầu

Chiếu vật (reference) là thuật ngữ tương đương với “*sở chỉ*”, là vấn đề hàng đầu được quan tâm đến của ngữ dụng học (pragmatics). Trong 3 phương thức chiếu vật, biểu thức ngôn ngữ (*linguistic expression*) chính là phương thức để biểu đạt chiếu vật. Để nghiên cứu được đúng nghĩa chiếu vật trong các diễn ngôn, ta cần nghiên cứu các biểu thức ngôn ngữ có chứa các chiếu vật. Bởi lẽ đó, các nhà nghiên cứu về lô-gic và ngữ dụng học thấy cần chú trọng đến việc phân tích về chiếu vật trong các diễn ngôn. Trong bài viết này, chúng tôi tiến hành nghiên cứu biểu thức miêu tả chiếu vật (BTMTCV) trong hai cuốn tiểu thuyết là *Giông tố* và *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng trên các phương diện cấu tạo, đặc điểm và giá trị phong cách của tác giả.

2. Đặc điểm của biểu thức miêu tả chiếu vật**2.1. Cấu tạo của biểu thức miêu tả chiếu vật trong tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng**

Kết quả khảo sát ngữ liệu cho thấy, BTMTCV trong tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng gồm 4 dạng: *Danh từ trung tâm (DTTT)* kết hợp với *danh từ/ danh ngữ; tính từ/ tính ngữ; động từ/ cụm động từ; số từ/ cụm số từ*.

2.1.1. Biểu thức miêu tả chiếu vật là DTTT + danh từ/ danh ngữ

Phần nhiều BTMTCV có cấu tạo thông thường là danh ngữ, do một danh từ làm từ trung tâm kết hợp với bộ phận thành tố phụ đứng phía sau. Trong đó, danh từ/ danh ngữ phụ sau có vai trò miêu tả các DTTT. Mô hình khái quát của BTMTCV có thành phần phụ sau là danh từ là:

DTTT + danh từ (danh ngữ)

Trong tiểu thuyết *Số đỏ*, chúng tôi thống kê được 462 BTMTCV, trong đó có 255 BTMTCV có cấu tạo là DTTT + danh từ (danh ngữ); còn ở tiểu thuyết *Giông tố*, tỉ lệ này là 251/485 BTMTCV. Chúng tôi tạm chia các danh ngữ đảm nhiệm vai trò thành phần phụ sau thành 4 loại, gồm: danh từ riêng, danh từ chỉ người; danh từ chỉ đối tượng/ sự vật; danh từ chỉ các bộ phận trên cơ thể người. Kết quả khảo sát thể hiện như bảng dưới đây:

Bảng 1. BTMTCV là DTTT + danh từ/ danh ngữ

Từ loại	Danh từ/ danh ngữ			
Tính chất	Danh từ riêng	Danh từ/ danh ngữ chỉ người	Danh từ/ danh ngữ chỉ đối tượng/ sự vật	Danh từ/ danh ngữ chỉ bộ phận trên cơ thể người
Tiểu thuyết <i>Số đỏ</i>				

*Giáo viên, Trường THPT An Dương, Hải Phòng; Email: nhatminh20798@gmail.com

Số lượng	113	84	26	32
Tỉ lệ	44,2%	32,9%	10,1%	12,5%
Tiểu thuyết <i>Giông tố</i>				
Số lượng	106	80	32	33
Tỉ lệ	42,5%	32,1%	12,9%	13,1%

Nhận xét:

- Nhà văn sử dụng với tần suất cao các BTMTCV có cấu tạo thành phần phụ sau là các danh từ/danh ngữ. Trong đó, thành phần phụ sau là các danh từ riêng chiếm tỉ lệ lớn (ở *Số đỏ* là 44,2%, ở *Giông tố* là 42,5%).

- Tiếp sau đó, các BTMTCV có cấu tạo thành phần phụ sau là các danh từ/ danh ngữ chỉ người chiếm tỉ lệ lớn (ở *Số đỏ* là 32,9%, ở *Giông tố* là 32,1%);

- các BTMTCV có cấu tạo thành phần phụ sau là danh từ/ danh ngữ chỉ đối tượng/ sự vật và danh từ/ danh ngữ chỉ các bộ phận trên cơ thể người đều chiếm số lượng nhỏ.

Xin phân tích một số ví dụ sau:

(1) “*Chính thật ra, đó là **nghe Hách**, vì ông tri huyện **Cúc Lâm** có giấy gọi*”. [*Giông tố*, tr.51]

(2) “*Cái áp của **nhà triệu phú Tạ Đình Hách** thật là đồ sộ nhất tỉnh, đến dinh quan Công sứ cũng không to tát bằng*”. [*Giông tố*, tr.23]

(3) “*Cả **con mẹ Phó Đoan** cũng đến xem, lại đòi chơi nữa!*”. [*Số đỏ*, tr.9]

(4) “*Sau ba tháng rỗng rã hai viên thám tử chỉ thấy những hành tung bí mật của ông là: **hút thuốc lá Camel***”. [*Số đỏ*, tr.10]

Trong các ví dụ 910, (3), (4), các biểu thức ngôn ngữ miêu tả có cấu tạo gồm các DTTT: “*ông tri huyện*”, “*con mẹ*”, “*thuốc lá*” kết hợp với các danh từ riêng: “*Cúc Lâm*”, “*Phó Đoan*”, “*Camel*”. Các DTTT kết hợp với danh từ riêng nhằm chiếu vật đến những nhân vật cụ thể, những sự vật, đối tượng cụ thể nhằm giúp độc giả “chiếu vật” đến những đối tượng “sở chỉ” từ đó mà tiếp cận, lĩnh hội nội dung của tác phẩm một cách dễ dàng, nhanh chóng. Bên cạnh đó, việc dùng những tên riêng trong các ví dụ vừa dẫn còn mang ẩn ý châm biếm, giễu nhại những nhân vật trong bối cảnh của cuốn tiểu thuyết. Chẳng hạn những cái tên nghe rất sang, rất “kêu” nhưng thực tế thì ngược lại. (Tên là Đoan nhưng lại không đoan chính, tên là Văn Minh nhưng thực tế lại không văn minh...). Trong ví dụ (2), BTMTCV gồm DTTT: “*nhà triệu phú*” kết hợp với danh từ riêng “*Tạ Đình Hách*” cũng có tính chất giễu nhại, châm biếm bằng lối đặt tên riêng cho nhân vật của nhà văn.

Danh từ/ danh ngữ chỉ người làm thành phần phụ (miêu tả) cho DTTT có vai trò miêu tả rõ nét cho các đối tượng. Bên cạnh đó, thành phần phụ cũng có vai trò xác định mối quan hệ giữa đối tượng chiếu vật và nghĩa chiếu vật. Hay nói cách khác là miêu tả rõ hơn cho DTTT về các đặc điểm ngoại hình, công việc, trình độ, văn hóa, sở thích,...

Khi tạo lập BTMTCV mà thành phần phụ là danh từ/ danh ngữ chỉ người thì nhà văn thường gửi gắm quan điểm, sự nhận xét về tính cách, đặc trưng nghề nghiệp, đặc điểm xã hội, trình độ văn hóa và tâm lí của nhân vật,...

(5) “***Chị hàng mía** đưa trả hào chín tiền thừa thì hấn khoanh tay sau lưng không nhận*”.

[*Số đỏ*, tr.5]

Trong ví dụ (5), BTMTCV “*chị hàng mía*” có thể phân tích về mặt cấu tạo như sau: DTTT “*chị*” kết hợp với thành phần phụ sau là danh từ chỉ nghề nghiệp (“*hàng mía*”). BTMTCV này giúp độc giả hiểu được nghề nghiệp của nhân vật được nhắc đến trong biểu thức trên. Hơn nữa, độc giả cũng có thêm thông tin về giới tính của người được nói đến là nữ.

Đoạn văn dưới đây trong tiểu thuyết *Giông tố* có sự xuất hiện của hàng loạt các BTMTCV có thành phần phụ sau là những danh từ/ danh ngữ chỉ vật:

(6) “*Cách **ba góc liêu một**, lại có **một cái ghế đá** như ở những công viên. Cách năm góc một, lại có **một chuồng chim**, đầy những **con vành khuyên**, **ri ca**, bay ở trên để cho **một đôi trĩ**, lông đuôi dài lê thê từ tốn đi lại ở dưới. Những **luồng hoa** đều đắp theo những hình vẽ kỹ hà học: tròn, bán nguyệt, lục lăng. Những **cây hoa tây, ta, và tàu**, trong những **luồng hoa**, đều giống thành những*

hình chữ hỉ, chữ thọ, hoặc những chữ T.Đ.H là những chữ đầu về tên họ nhà đại phú. Những cái đơn sứ hình trống, hình voi phục, bày rải rác trong cái sân trước, cũng đã vào số hai trăm”. [Giông tố, tr.24]

Hàng loạt các BTMTCV như: “*ba gốc liễu*”, “*một cái ghé đá*”, “*một chuồng chim*”, “*con vành khuyên, ri cá*”, “*một đôi trĩ*”, “*Những luống hoa*”, “*Những cây hoa tây, ta, và tàu*”,... có thành phần phụ sau là những danh từ/ danh ngữ chỉ sự vật. Các biểu thức ngôn ngữ này nhằm hướng độc giả “chiếu vật” đến rất nhiều những sự vật lột tả độ giàu có và chơi ngông của “đại gia” Tạ Đình Hách. Thông qua sự miêu tả, cho thấy sự châm biếm, đả kích của tác giả đối với lối sống trọc phú, thích phô trương, khoe khoang của nhân vật trong tác phẩm.

Qua việc phân tích các ví dụ trên đây, chúng tôi có nhận xét: trong các BTMTCV, các từ chỉ đối tượng/ sự vật chính là bộ phận định ngữ, làm rõ nghĩa cho ĐTTT. Tuy vậy, ở cả hai tác phẩm, Vũ Trọng Phụng tập trung dùng phương pháp này để miêu tả một cách tỉ mỉ và tinh tế. Các biểu thức miêu tả trở nên đặc biệt qua lối dùng từ của nhà văn cho thấy đặc trưng của “giọng” văn giễu nhại, châm biếm, đả kích rất sâu cay của Vũ Trọng Phụng.

2.2. Biểu thức miêu tả chiếu vật là ĐTTT + tính từ/ tính ngữ

BTMTCV có cấu tạo là: ĐTTT + tính từ/ tính ngữ trong hai tác phẩm của Vũ Trọng Phụng có tỉ lệ cao nhất, tương đương khoảng 28-32% tổng số các BTMTCV. Có thể chia các BTMTCV nhóm này thành 3 tiểu loại:

- BTMTCV có thành phần phụ sau là *tính từ/ tính ngữ chỉ màu sắc*: ở tiểu thuyết *Số đỏ* là 74/130 BTMTCV (tương đương 56,6%); ở tiểu thuyết *Giông tố* là 82/149 BTMTCV (tương đương 55,8%);
- BTMTCV có thành phần phụ sau là *tính từ/ tính ngữ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật*: ở tiểu thuyết *Số đỏ* là 26/130 BTMTCV (tương đương 19,4%); ở tiểu thuyết *Giông tố* là 29/149 BTMTCV (tương đương 20%);
- BTMTCV có thành phần phụ sau là *tính từ/ tính ngữ chỉ trạng thái, cảm xúc của con người*: ở tiểu thuyết *Số đỏ* là 30/130 BTMTCV (tương đương 23,3%); ở tiểu thuyết *Giông tố* là 38/149 BTMTCV (tương đương 25,5%).

Bảng 2. Biểu thức miêu tả là ĐTTT + tính từ/ tính ngữ

Từ loại	Tính từ/ tính ngữ		
Tính chất	Tính từ/ tính ngữ chỉ màu sắc	Tính từ/ tính ngữ chỉ đặc điểm, tính chất sự vật	Tính từ/ tính ngữ chỉ trạng thái (của con người)
Tiểu thuyết <i>Số đỏ</i>			
Số lượng	26	74	30
Tỉ lệ	19,4%	56,6%	23,3%
Tiểu thuyết <i>Giông tố</i>			
Số lượng	29	82	38
Tỉ lệ	20%	55,8%	25,5%

Những BTMTCV có thành phần phụ là *tính từ/ tính ngữ chỉ màu sắc, đặc điểm, tính chất sự vật* là phương tiện giúp nhà văn phản ánh thế giới hiện thực một cách chân thực, sinh động và hàm chứa các sắc thái ngữ nghĩa đa dạng, sâu sắc. Ví dụ:

(7) “*Đó là một người nhỏ nhắn, trắng trẻo, rất đẹp giai nhưng chỉ tiếc lỗi lại hơi có vẻ đàn bà. Quần áo tây lịch sự*”. [Giông tố, tr.28]

Trong ví dụ (7) vừa nêu, các tính từ như: *nhỏ nhắn, trắng trẻo, đẹp giai có vẻ đàn bà, lịch sự* đã được nhà văn sử dụng làm thành phần phụ sau nhằm miêu tả, biểu đạt những đặc điểm về ngoại hình, tính cách của nhân vật.

Ở đoạn trích dưới đây, Vũ Trọng Phụng sử dụng dày đặc các BTMTCV có cấu trúc danh từ + thành phần phụ là tính từ chỉ màu sắc/ đặc điểm/ tính chất. Đặc trưng trong lối dùng các tính từ của nhà văn, miêu tả một cách sinh động, hài hước, châm biếm bằng những nét riêng nhất, khái quát nên tính cách của nhân vật Xuân Tóc Đỏ, “con Văn Minh”, “con mẹ Phó Đoan”:

(8) “*Cửa xe mở, một bà trạc ngoại tứ tuần mà y phục còn trai lơ hơn của các thiếu nữ, mặt bự ra những son và phấn, tóc đen lay láy nhưng mà quần quần, cả người nặng ít ra cũng bảy mươi cân, nhưng cái khăn vành giầy đúng một hết sức thì lại nhỏ xíu và ngắn ngắn có một mẫu, một tay cầm một cái dù thật tỹ hon và một cái ví da khổng lồ, tay kia ôm một con chó bé trông kỳ dị như một con kỳ lân, bước xuống đất một cách nặng nề vất vả. Rồi đến một chàng thiếu niên cao ngẩng, gầy đét, lộ hầu, hai mắt như ốc nhồi, tóc cũng uốn quần. Âu phục lối du lịch, chui ở xe ra đưa tay cho một thiếu nữ mặc quần đùi trắng, tóc búi, giầy cao su, tay cắp hai cái vợt, chui ra sau cùng*”. [Số đỏ, tr.11]

Ở ví dụ (8), hàng loạt các BTMTCV đã được nhà văn sử dụng một cách hiệu quả để đặc tả ngoại hình và tính cách nhân vật, như: “*bà trạc ngoại tứ tuần*”, “*y phục còn trai lơ*”, “*mặt bự*”, “*tóc đen lay láy*”, “*người nặng*”, “*cái khăn vành giầy đúng một hết sức thì lại nhỏ xíu và ngắn ngắn*”, “*cái dù thật tỹ hon*”, “*cái ví da khổng lồ*”, “*một con chó bé trông kỳ dị như một con kỳ lân*”, “*một chàng thiếu niên cao ngẩng, gầy đét, lộ hầu*”, “*hai mắt như ốc nhồi*”, “*tóc cũng uốn quần*”, “*Âu phục lối du lịch*”, “*quần đùi trắng*”.

2.3. Biểu thức miêu tả chiếu vật là DTTT + động từ/ động ngữ

Đối với những BTMTCV có thành phần phụ là những động từ/ động ngữ, thì đối tượng của diễn ngôn chính là các hoạt động nói năng của chủ thể phát ngôn. Để biểu đạt những hành động nói năng đó, tác giả sử dụng các động từ: *nói, nói chuyện, hô, gào, khóc, thét, ngậm xị, lèm bèm, dọa...*

Theo thống kê, các BTMTCV có cấu tạo là DTTT + động từ/ động ngữ biểu thị hoạt động nói trong tác phẩm *Số đỏ* là 53 trên tổng số 462 BTMTCV, chiếm 12,1%. Các BTMTCV có cấu tạo là DTTT + động từ/ động ngữ biểu thị hoạt động nói trong tác phẩm *Giông tố* là 66 trên tổng số 485 BTMTCV, tương đương 14,4%. Ví dụ:

(9) “*Nghị Hách cúi xuống xem rồi nói:*

- *Giấy này cũng không đủ buộc tội đâu*”. [Giông tố, tr.53]

BTMTCV “*Nghị Hách....nói*” có DTTT là “*Nghị Hách*” có thành phần phụ sau: “*nói*”.

(10) “*Xuân Tóc đỏ đứng phăng lên, anh hùng mà nói đối:*

- *Đây không cần!*”. [Số đỏ, tr.5]

(11) “*Ông thầy vừa viết vừa nói:*

- *Tuần triệt đương đầu kiếp không thân mệnh...*”. [Số đỏ, tr.6]

(12) “*Rồi quay lại dọa chị hàng mía:*

- *Phải biết!*

Rồi *khẽ nói* với ông thầy:

- *Ngay như con bé bán mía này thì cũng “nước nôi” đến nơi chứ có không đâu! Cụ đoán đáng đồng tiền lắm*”. [Số đỏ, tr.7]

2.4. Biểu thức miêu tả chiếu vật là DTTT + số từ/ cụm số từ

Các BTMTCV có cấu tạo là DTTT + số từ/ cụm số từ trong tác phẩm *Số đỏ* là 21/462 BTMTCV, chiếm 4,6%. Các BTMTCV có cấu tạo là DTTT + số từ/ cụm số từ trong tác phẩm *Giông tố* là 17/485 BTMTCV, chiếm 3,5%. Ví dụ:

(13) “*Bà lão già đi đầu qua rồi thì đến một cụ trông bán thiu. Cụ thứ ba trông cũng xấu xí. Người gánh cái gánh rạ thứ tư là một ông lão râu đã bạc, cái đầu trọc quần trong miếng vải nâu trông như một cái mũ nhà chùa, gánh thứ năm thì do một cô ả mà quần áo trông gọn ghẽ hơn hết thảy*”. [Giông tố, tr.8]

BTMTCV “*cụ thứ ba*”, “*người gánh cái gánh rạ thứ tư*”, “*gánh thứ năm*” được nhà văn sử dụng các số từ chỉ thứ tự, như: “*thứ ba*”, “*thứ tư*”, “*thứ năm*” kết hợp với các DTTT đứng trước nó để chiếu vật vị trí của từng sự vật, ở đây là vị trí di chuyển của nhóm người thợ cấy.

3. Đặc điểm khả năng chiếu vật của biểu thức miêu tả trong tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng

Quan sát đặc điểm của BTMTCV về cấu tạo và về chức năng, chúng ta có thể đánh giá được những đặc điểm về khả năng chiếu vật. Bên cạnh đó quá trình tạo lập liên kết văn bản dựa vào các BTMTCV. Nghiên cứu đặc điểm chiếu vật cũng giúp làm nổi bật tài năng và phong cách sử dụng ngôn ngữ của Vũ Trọng Phụng.

3.1. Chiếu vật cá thể

Đối với văn bản, từ ngữ thường được quy chiếu đến người/ sự vật/ đối tượng cụ thể, có tính chất riêng biệt. Đó là chiếu vật cá thể. Trong 2 tác phẩm *Số đỏ* và *Giông tố* của Vũ Trọng Phụng, những BTMTCV như có tần suất hoạt động rất cao (ở *Số đỏ* là 37,5%, ở *Giông tố* là 25%). Xuất hiện nhiều nhất là những BTMTCV có danh từ riêng làm thành phần miêu tả. Thứ đến là những BTMTCV có thành phần miêu tả là những động từ hay tính từ.

(14) “**Quan Tuần Hà** vui lòng nữa kia ư? Liệu cụ lớn xem rồi, việc ấy có thành được không?”. [Giông tố, tr.37]

(15) “Tất cả nhân viên trong sở cảm chỉ có bảy người: một **ông Cẩm Tây**, một ông thông ngôn ta, một ông quản canh sát, và bốn người lính”. [Số đỏ, tr.12]

BTMTCV có danh từ riêng “*Tuần Hà*” ở ví dụ (14) và “*Cẩm Tây*” ở ví dụ (15) là những chiếu vật cá thể, chỉ một người cụ thể.

3.2. Chiếu vật một số cá thể

Trường hợp từ ngữ miêu tả đối tượng biểu thị một nhóm đối tượng/ nhân vật (số nhiều) thì đó là chiếu vật nhóm cá thể. Ví dụ:

(16) “**Cả gia đình ấy** đã nhao lên mỗi người một cách đi gọi từ ông lang băm Tây cho đến ông lang băm Đông, già và trẻ, để thực hành đúng cái lý thuyết “nhiều thầy thối ma”...” [Số đỏ, tr.117]

Trong ví dụ (16), “*Cả gia đình ấy*” là chiếu vật một số cá thể, chỉ tất cả thành viên trong gia đình cụ cố Hồng.

3.3. Chiếu vật loại

Ngoài ra, còn trường hợp, những từ ngữ miêu tả có thể ứng với cả một loại người/ đối tượng/ sự vật nói chung. Trường hợp này được gọi là chiếu vật loại.

(17) “**Ông cụ già** chết, danh dự của Xuân lại càng to thêm, vì cái lễ rất chính đáng là luôn ba hôm nó đã trốn một chỗ nào không ai biết, đến nỗi cụ bà cho người đi tìm đâu cũng không thấy...”. [Số đỏ, tr.117]

(18) “*Xuân Tóc Đỏ* vỗ tay đôm đốp như những khi nó thấy **bọn quần vọt** đánh được một miếng hay”. [Số đỏ, tr.7]

Trong các ví dụ (17), (18), “*ông cụ già*”, “*bọn quần vọt*” là những chiếu vật chỉ loại, không chỉ cụ thể một đối tượng mà chỉ một nhóm những đối tượng có đặc điểm tương đồng.

4. Giá trị của biểu thức miêu tả chiếu vật trong tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng

4.1. Biểu thức miêu tả chiếu vật và mối liên kết văn bản

4.1.1. BTMTCV và phép thế đồng nghĩa

Phép thế đồng nghĩa chính là việc dùng các từ ngữ có chung một chiếu vật (người/sự vật). Trong các câu văn có lặp lại các từ ngữ biểu thị chung đối tượng nhằm liên kết các câu văn lại với nhau.

Dưới đây, chúng tôi xin phân tích một số ví dụ về phép thế đồng nghĩa trong hai tác phẩm của Vũ Trọng Phụng.

(19) “**Cụ cố Hồng** đã nhắm nghiền mắt lại để mơ màng đến cái lúc cụ mặc đồ xô gai, lụ khụ chống gậy, vừa ho khạc vừa khóc mếu, để cho thiên hạ phải chỉ trỏ:

- Ủi kìa, con giai nhón đã già đến thế kia kìa!” **Cụ** chắc cả mười rằng ai cũng phải ngợi khen một cái đảm ma như thế, một cái gậy như thế...”. [Số đỏ, tr.118]

4.1.2. BTMTCV và phép thế đại từ

Phép thế đại từ là việc trong các câu có dùng các đại từ để thay thế cho người/ đối tượng/ sự vật được nhắc đến ở câu văn trước đó. Phép thế đại từ khác với phép thế đồng nghĩa là nó không dùng những từ có nghĩa tương đương mà dùng đại từ thay thế. Cả hai đều có vai trò liên kết các câu văn.

(20) “Ngồi bên cạnh Xuân, Tuyết cũng vô tình thúc giục:

- Nói đi, anh đốc! Nói rất văn hoa vào cho thiên hạ họ biết tay!

Không biết thế nào là phải, như một cái máy có người vận, **Xuân Tóc đỏ** đành đứng lên, cốc rượu vẫn nâng trên tay... Nói? Thì nó vẫn nói to lắm, mà lại không bao giờ sợ khản cổ, nhất là không bao giờ thẹn, một kiểu kiêu cố yếu của nhà hùng biện. Nghiệm như xưa kia, lúc bán phá xa, làm **lính cờ chạy hiệu** rap hát, làm nghề **thối loa** cho ông Vua Thuộc Lộ Nam Kỳ, nó đã quen cái mồm đàn áp, chinh phục, và làm rung động công chúng hơn ai...". [Số đỏ, tr.88]

4.2. BTMTCV và hiện thực đề tài trong tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng

Vũ Trọng Phụng viết về nhiều mảng đề tài đa dạng của cuộc sống xã hội. Để biểu đạt một cách chân thực, sinh động, nhiều màu sắc, tinh tế những mảng đề tài đó, nhà văn đã sử dụng một cách uyển chuyển, linh hoạt và tài tình các BTMTCV. Nghiên cứu về BTMTCV trong sáng tác của nhà văn Vũ Trọng Phụng có thể thấy rõ những đặc trưng trong phong cách nghệ thuật của ông.

5. Kết luận

Số lượng các BTMTCV có trong sáng tác của Vũ Trọng Phụng là rất lớn, tần số xuất hiện tương đối đa dạng, phong phú. Qua việc sử dụng các BTMTCV, Vũ Trọng Phụng đặc biệt có tài năng sử dụng ngôn từ. Về mặt cấu tạo, BTMTCV rất đa dạng, phong phú. Việc nghiên cứu BTMTCV thông qua tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng có ý nghĩa ứng dụng trong dạy học ngữ dụng học và nghiên cứu phong cách ngôn ngữ văn chương của tác giả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tài Cẩn, (1975), *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội.
2. Đỗ Hữu Châu, Đỗ Việt Hùng, (2007), *Giáo trình Ngữ dụng học*, Nxb Đại học Sư phạm.
3. Mai Ngọc Chừ (Chủ biên) - Nguyễn Thị Ngân Hoa - Đỗ Việt Hùng - Bùi Minh Toán, (2007), *Nhập môn ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục.
4. Vũ Thị Huệ, (2018), *Biểu thức miêu tả chiều vật trong truyện ngắn Nam Cao*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Hải Phòng.
5. Nguyễn Thị Mỹ Lệ, (2015), *Phương thức miêu tả vật trong tác phẩm The old Man and the Sea của Ernest Hemingway*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Huế.
6. Huỳnh Thị Diễm My, (2014), *Chiều vật đồng sở chỉ trong tiểu thuyết Số đỏ của Vũ Trọng Phụng*, Khóa luận Tốt nghiệp Đại học, Trường Đại học Cần Thơ.

NGŨ LIỆU

[1] Vũ Trọng Phụng, *Giông tố*, Nxb Văn học, 2020.

[2] Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*, Nxb Văn học, 2020.

Referring expression in the language of writers Vu Trong Phung (by two novels *Số đỏ* and *Giông tố*)

Abstract: Referring expression is the first pragmatic aspect of discourse. Therefore, Studying referring expression in literary works is also about learning about the linguistic means and ways in which writers reflect the objective real world.

For literary works, reference are often diverse, carry meanings. Studying referring expression in the language of literary works is one way to indicate that the skill and style of writers (Vu Trong Phung).

Key words: referent; meaning expression; referring expression; Vu Trong Phung; pragmatics.